TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-01-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Việt.

- Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 664/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 438/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1986. (có mặt).

Địa chỉ: tổ 12, ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* ông Hà Văn S, sinh năm: 1986. (vắng mặt).

Địa chỉ: số 55/5 Bis D, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: bà và ông S sống chung vào năm 2008, hôn nhân do tự tìm hiểu, do gia đình bà không đồng ý nên vợ chồng không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào năm 2014, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông S không quan tâm lo lắng cho gia đình, ông S đánh bà nhiều lần và bị chính quyền địa phương lập biên bản xử phạt hành chính 04 lần đối với hành vi trên. Vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự caãi, bà và

ông S không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông S.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 09/9/2009, và Hà Nhật K, sinh ngày 14/02/2012 hiện đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay, bà làm công nhân ở xã Đ, huyện T, thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng đủ khả năng nuôi 02 con chung nên đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Hà Văn S vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông S đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H; về con chung Nguyễn Thị N, sinh ngày 09/9/2009 và Hà Nhật K, sinh ngày 14/02/2012 hiện đang được bà H nuôi dưỡng ổn định nên chấp nhận yêu cầu của bà H giao cháu N, cháu K cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Hà Văn S được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Hà Văn S. Ông S có nơi cư trú tại phường B, thành phố X, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Hà Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H và ông Hà Văn S xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, kéo dài nhiều năm do ông S không chăm lo cho gia đình, nhiều lần đánh đập bà H, bà H xác định không còn tình cảm với ông S, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên bà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà H xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông S, hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 02 năm nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 09/9/2009 và Hà Nhật K, sinh ngày 14/02/2012, bà H yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng. Nhận thấy từ khi bà H và ông S không còn chung sống với nhau thì cháu N, cháu K vẫn sống chung với bà H cho đến nay, tại biên bản ghi ý kiến ngày 17/11/2020 cháu N, cháu K có nguyện vọng sống chung với mẹ.

Xét thấy, trong thời gian cháu N, cháu K sống với bà H, các cháu đã ổn định về chỗ ở, điều kiện sinh hoạt, học tập, tâm tư, tình cảm của các cháu cũng gắn liền với mẹ, xét hoàn cảnh và công việc của bà H đảm bảo các điều kiện cần thiết cho các cháu phát triển về thể chất và tinh thần. Do đó, để duy trì cuộc sống ổn định cho cháu N, cháu K, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N, cháu K

cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: do bà H không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà H trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: bà H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Hà Văn S. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90/2014, ngày 11/7/2014 do UBND phường B, thành phố X, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: bà Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị N, sinh ngày 09/9/2009 và Hà Nhật K, sinh ngày 14/02/2012.

Ông Hà Văn S không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông S thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận bà Nguyễn Thị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà

Nguyễn Thị H và ông Hà Văn S vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0005731 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà H đã nộp xong.

Bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Hà Văn S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Diệu Tiên